TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **93**/2024/DS-ST
Ngày 16-9-2024
"V/v: Tranh chấp giao dịch dân sự"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bích Hiền

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hạng Minh Thu

2. Ông Trương Bế Thiện

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Minh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Đại diện VKSND thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa ông Đinh Văn Mạnh chức vụ Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 95/2024/TLST - DS ngày 24 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2024/QĐXX-DS ngày 23 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: bà Dương Thị Thu H, sinh năm 1983, nơi thường trú: tổ 01, phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

2.Bị đơn: ông Phạm Trường G, sinh năm 1975, nơi thường trú: tổ G, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1980, nơi thường trú: tổ G, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên

(Bà H, ông G có mặt; bà D đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1]. Tại đơn khởi kiện ngày 19/3/2024, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, quá trình giải quyết, nguyên đơn trình bày:

Bà làm đại lý bán cám, thức ăn chăn nuôi nên ông G đặt vấn đề mua cám thức ăn chăn nuôi, do đó giữa bà và vợ chồng ông G, bà H đã thỏa thuận bà cung cấp, đầu tư cám và thức ăn chăn nuôi cho vợ chồng bị đơn nuôi lợn theo từng đợt, mỗi đợt chăn nuôi bà cung cấp cám, thức ăn trong vòng 4-5 tháng, sau đó ông G bán lợn thì sẽ thanh toán tiền thức ăn. Trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2016, bà H đã nhiều lần bán cám, thức ăn chăn nuôi cho vợ chồng ông G, việc xuất hàng, giao nhận hàng và thanh toán được ghi chép vào sổ theo

dõi của bà H, tuy nhiên đến đợt mua hàng lần thứ 5 thì bị đơn không thanh toán. Do nhiều lần yêu cầu ông G thanh toán tiền hàng nhưng không được, nên ngày 29/8/2016 chị có đến nhà nhưng ông G không có nhà mà có bà D ở nhà, sau khi đối chiếu xác định tổng nợ 96.240.000 đồng, bà D đã trả số tiền 16.600.000 đồng, do đó nguyên đơn đã ghi trong sổ nội dung "*hôm nay ngày 29/8/2016 chốt công nợ tổng là 96.240.000 đồng, thanh toán 16.600.000 đồng còn nợ 79.640.000 đồng*" bà D đã ký nhận số tiền trên, sau đó một thời gian bà gặp ông G nên đã yêu cầu viết giấy nhận nợ nên ông G đã viết giấy chốt công nợ với nội dung "*Hôm nay ngày 22/8/16 tổng nợ còn 79.640.000 đồng. Anh chị* Giang D1 *hẹn Đại lý* Huyền H1 *đến 29/7/16 tức ngày 2/9/2016 dương trả nợ cho Đại lý số tiền nợ bằng một nửa hoặc hơn một nửa số tiền lấy cám chăn lợn. Nếu anh* G *không trả như đúng hẹn anh chị hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và đồng ý thanh toán lãi xuất theo lãi ngân hàng*". Tuy nhiên, sau đó bà có liên hệ đòi nhiều lần nhưng ông G, bà D1 không trả do đó bà khởi kiện, buộc ông G, bà D1 có trách nhiệm trả cho số tiền gốc 79.640.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 22/8/2016 đến 22/5/2024 là 08 năm 10 tháng với mức lãi xuất 10%/tháng tương ứng số tiền 70.348.666 đồng với tổng số tiền là 149.988.666 đồng và lãi suất chậm thanh toán cho đến khi trả toàn bộ khoản nợ.

Tài liệu chứng cứ nguyên đơn nộp gồm 12 mặt giấy kẻ ngang vở học sinh Hồ N (được đánh số từ 1-12 ghi quá trình mua bán cám) và 01 tờ giấy oly chữ viết bút màu xanh đề ngày xác nhận 22/8/2016 (bản viết tay)

[2]. Tại bản tự khai ngày 28/6/2024 ông G xác định có mua bán cám và thức ăn chăn nuôi với bà H, đến năm 2016 thì vợ chồng ông chỉ còn nợ số tiền 15.000.000 đồng. Quá trình đối chất, sau khi xem xét các tài liệu ghi chép việc mua bán cám do bà H xuất trình, ông G thừa nhận việc mua bán hàng đã nhiều lần chốt sổ và thanh toán tiền, các chữ ký trong các mặt giấy theo dõi xuất hàng của bà H là chữ ký của ông G, bà D1 (vợ ông), cháu N (con gái). Tuy nhiên, ông chưa xác định được tổng nợ vì ông có sổ theo dõi bà H đã tạm ứng tiền, trong trường hợp cung cấp được tài liệu thì đề nghị đối trừ số tiền đã tạm ứng, trong quá trình mua bán cám không có thỏa thuận tính lãi và tờ giấy đề ngày 22/8/16 nội dung "*Hôm nay, ngày 22/8/16 tổng nợ còn =79.640.000 đồng A.chị* Giang D1 *hẹn* đại lý H2 *đến ngày 29/7/16 tức 2/9/2016 (+) trả nợ cho Đại lý số tiền nợ = một nửa hoặc hơn 1 nửa số tiền lấy cám chăn lợn. Nếu anh* G *ko trả như đúng theo hẹn anh chị hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và đồng ý thanh toán lãi xuất theo lãi NH*" ông xác định đó không phải chữ ký, chữ viết của ông nên không nhất trí trả lãi.

[3] Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D: đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án đều vắng mặt, tại biên bản lấy lời khai ngày 01/8/2024 bà D xác định không có liên quan gì đối với việc mua bán cám với bà H, bà đề nghị mọi việc do ông G đứng ra giải quyết, do đó bà D chưa có bản tự khai, chưa thể hiện ý chí của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông G, bà D có nghĩa vụ liên đới chịu trách nhiệm trả số tiền nợ gốc, về lãi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Ông G xác định không cung cấp được tài liệu gì khác để đối trừ công nợ, trường hợp xuất trình được tài liệu sẽ khởi kiện vụ án dân sự khác đồng thời xác nhận số tiền nợ gốc như nguyên đơn khởi kiện, đề nghị nguyên đơn xem xét cho bị đơn thanh toán nợ gốc theo phương án thanh toán 1.000.000 đồng/tháng và đề nghị được miễn lãi.

[3]. Đại diện Viện kiểm sát thành phố Thái Nguyên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp hành đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Thu H buộc ông Phạm Trường G và bà Nguyễn Thị D liên đới có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi theo quy định pháp luật.

Ông G và bà D phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: bà Dương Thị Thu H yêu cầu ông Phạm Trường G và bà Nguyễn Thị D thanh toán số tiền mua bán cám, thức ăn chăn nuôi do đó xác định quan hệ tranh chấp là giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có địa chỉ tại tổ G, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án bà D xác định không liên quan đến vụ án, xác định mọi việc do ông Phạm Trường G giải quyết, Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bà D tuy nhiên vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng; đồng thời tại phiên tòa ông G xác định bà D giữ nguyên quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, ông G là người đại diện đứng ra giải quyết do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà D.

[1.3] Về áp dụng pháp luật: Việc giao dịch mua bán hàng hóa giữa bà H với ông G, bà D thực hiện từ năm 2014 đến năm 2016, thời điểm chốt nợ ngày 22/8/2016 trước khi Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực pháp luật (ngày 01/01/2017) đến nay xảy ra tranh chấp do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015 áp dụng Bộ luật Dân sự 2005 để giải quyết.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Dương Thị Thu H và ông Phạm Trường G, bà Nguyễn Thị D thực hiện việc mua bán cám, thức ăn chăn nuôi từ năm 2014 đến

năm 2016 với mục đích để chăn nuôi. Quá trình mua bán các bên thỏa thuận bà H cung cấp cám và thức ăn chăn nuôi cho ông G, bà H chăn nuôi lợn trước, sau khi ông G, bà D bán lợn thì sẽ thanh toán tiền cám, thức ăn chăn nuôi cho bà H, giữa các đương sự chỉ thỏa thuận miệng do đó bà H có lập sổ theo dõi mỗi lần nhập hàng và thanh toán tiền hàng. Đến ngày 22/8/2016 giữa bà H và ông G đã lập biên bản chốt nợ của các lần mua bán hàng với tổng số tiền 79.640.000 đồng, hẹn đến ngày 29/7/2016 tức ngày 02/9/2016 đương lịch sẽ trả nợ một nửa số tiền cho đại lý, nếu không thanh toán sẽ phải chịu trách nhiệm và đồng ý thanh toán lãi xuất theo lãi Ngân hàng, quá trình giải quyết, ông G xác định không nợ số tiền như bà H khởi kiện vì bà H đã nhiều lần tạm ứng tiền.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện số tiền gốc của nguyên đơn thấy:

[3.1] Nguyên đơn xác định ngày 29/8/2016 đến nhà nhưng ông G không có nhà nên đã chốt nợ với bà D, tính đến ngày 29/8/2016 vợ chồng ông G tổng nợ là 96.240.000 đồng, sau đó bà D đã thanh toán cho số tiền 16.600.000 đồng, do đó số nợ còn 79.640.000 đồng, bà D đã ký nhận sổ. Sau đó, do bà H tiếp tục gặp ông G thì được ông G ký chốt đến ngày 22/8/2016 còn nợ số tiền 79.640.000 đồng. Xem xét tài liệu do nguyên đơn nộp thấy: Tại Sổ theo dõi của nguyên đơn số thứ tự 12 (BL78) có chữ ký "Duyên", "CT Duyên" thể hiện "*Hôm nay ngày 29/8/2016 chốt công nợ tổng là 96.240.000 đồng (chín mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng)*

Σ nợ 96.240.000

(29/8/16 TT[2] -16.600.000

79.640.000"

Tại giấy nhận nợ BL 31, có chữ ký "G" và chữ viết "Phạm Trường G" thể hiện "*Hôm nay, ngày 22/8/16 tổng nợ còn =79.640.000 đồng A.chị* Giang D1 *hẹn* đại lý H2 *đến ngày 29/7/16 tức 2/9/2016 (+) trả nợ cho Đại lý số tiền nợ = một nửa hoặc hơn 1 nửa số tiền lấy cám chăn lợn. Nếu anh* G *ko trả như đúng theo hẹn anh chị hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và đồng ý thanh toán lãi xuất theo lãi NH*"

Mặc dù, trong quá trình giải quyết bà D1 xác định không liên quan gì tới việc mua bán, xác định mọi việc do ông G giải quyết và ông G xác định chữ ký, chữ viết tại BL 31 không phải chữ ký, chữ viết của ông nhưng không yêu cầu Tòa án giám định chữ ký, chữ viết đồng thời thừa nhận chữ ký "Duyên", "CT Duyên" tại mặt giấy số 12 (mặt sau BL 78) là chữ ký của bà D1. Quá trình đối chất, sau khi xem xét toàn bộ tài liệu liên quan đến sổ sách theo dõi xuất hàng, giao hàng của bà H nộp tại Tòa án ông xác định số lượng theo dõi của bà H là đúng.

[3.2] Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định "1.*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó có căn cứ và hợp pháp. 2.Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với*

mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó". Quá trình giải quyết ông G xác định số nợ còn lại là 15.000.000 đồng, không nhất trí chữ ký, chữ viết tại Giấy chôt nợ ngày 22/8/2016 (BL31), đến ngày 10/8/2024 ông G xác định có sổ theo dõi việc tạm ứng tiền của bà H, Tòa án đã ban hành Thông báo yêu cầu ông G, bà D1 cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc thanh toán, tạm ứng tiền. Tuy nhiên, ông G, bà D1 không xuất trình tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho việc đã thanh toán tiền hoặc tài liệu chứng cứ để phản đối yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời tại phiên tòa ông G xác định khoản nợ gốc như bà H khởi kiện là đúng.

Do đó, có đủ căn cứ xác định đến ngày 22/8/2016 ông G, bà D1 còn nợ bà H số tiền gốc 79.640.000 đồng tiền mua bán cám, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về buộc ông G, bà D1 liên đới có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc trên.

[3.3] Xét yêu cầu tính lãi: Ngày 22/8/2016 giữa bị đơn và nguyên đơn chốt nợ xác định ngày có nghĩa vụ thanh toán là 02/9/2016 cho đến nay bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ hợp pháp của nguyên đơn đồng thời tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải chịu lãi xuất theo quy định pháp luật, căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự buộc ông G, bà D1 có nghĩa vụ thanh toán số tiền chậm thanh toán là phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận. Xác định ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ của ông G, bà D1 là ngày 02/9/2016, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 16/9/2024 là 96 tháng 14 ngày, do đó Lãi xuất được tính cụ thể như sau: 79.640.000 x 10%/năm x 08 năm 14 ngày = 64.021.711 đồng (làm tròn 64. 022.000 đồng).

[4] Đối với nghĩa vụ liên đới giữa ông G và bà D1: trong quá trình mua bán cám đều thể hiện có chữ ký của bà D1 về việc nhận hàng hóa và ký xác nhận, thời điểm giải quyết bà D1 ông G có quan hệ là vợ chồng, do đó ông G và bà D1 đều có nghĩa vụ chung về tài sản vợ chồng theo quy định tại khoản 2 Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình, do đó cần buộc ông G và bà D1 cùng có trách nhiệm liên đới nghĩa vụ trả nợ cho bà H.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26, khoản 4 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

-Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn

-Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự theo quy định.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tại phiên tòa có căn cứ chấp nhận

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 203, khoản 1 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 280, Điều 357, Điều 430, Điều 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 305, Điều 428, Điều 438 Bộ luật Dân sự 2005

Khoản 2 Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Thu H

1. Buộc ông Phạm Trường G và bà Nguyễn Thị D phải liên đới trả cho bà Dương Thị Thu H số tiền 143.662.000 đồng (Một trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn đồng), trong đó: tiền nợ gốc 79.640.000 đồng (Bảy mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) và tiền lãi là 64.022.000 đồng (Sáu mươi tư triệu không trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí:

2.1 Buộc ông Phạm Trường G và bà Nguyễn Thị D phải liên đới chịu số tiền 7.183.000 đồng (Bảy triệu một trăm tám mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

2.2 Bà Dương Thị Thu H không phải chịu án phí dân sự, hoàn trả bà Dương Thị Thu H số tiền 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002850 ngày 24/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

3. Quyền kháng cáo: Bà H, ông G có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà D vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Bích Hiền

Nơi nhận
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên
- Chi cục THADS thành phố Thái Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu.